**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 (2023 – 2024)**

**I. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung chương VII,VIII: Sinh học cơ thể người; Sinh vật và môi trường*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu(3,0 điểm), thông hiểu: 8 câu(2,0 điểm), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung nửa đầu học kì 2: *25% (2,5 điểm).Chương V điện 11 tiết; Chương VI Nhiệt 09 tiết, Chương VII Sinh học cơ thể người 11 tiết( Hết bài 33 Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người)*

- Nội dung nửa học kì 2 sau: *75% (7,5 điểm) Chương VII Sinh học cơ thể người 17 tiết( Hết bài 40 sinh sản ở người); Chương VIII Sinh vật và môi trường (15 tiết).*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| Điện(11 tiết = 10%) | 3 |  | 1 |  |  |  |  |  | 4 |  | 1,0 |
| Nhiệt(9 tiết = 5%) | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 |
| Sinh học cơ thể người(11 tiết = 10%) Nửa đầu kì 2 | 2  |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  | 1,0 |
| Sinh học cơ thể người(17 tiết = 40%) | 2 | 1 | 2 |  |  | 1 |  | 1 | 4 | 2 | 4,0 |
| Sinh vật và môi trường(15 tiết =35,5%) | 3  |  | 3 | 1 |  | 1 |  |  | 6 | 2 | 3,5 |
| **Tổng số câu TN/TL** | 12 | 1 | 8 | 1 |  | 2 |  | 1 | 20 | 4 | 24 |
| **Điểm số** | 3,0 | 1,0 | 2,0 | 1,0 |  | 2,0 |  | 1,0 | 5,0 | 5,0 | 10 |
| **Tổng số điểm** | 4 điểm40% | 3 điểm30% | 2 điểm20% | 1 điểm10% | 10 điểm10 % | 10 điểm |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com